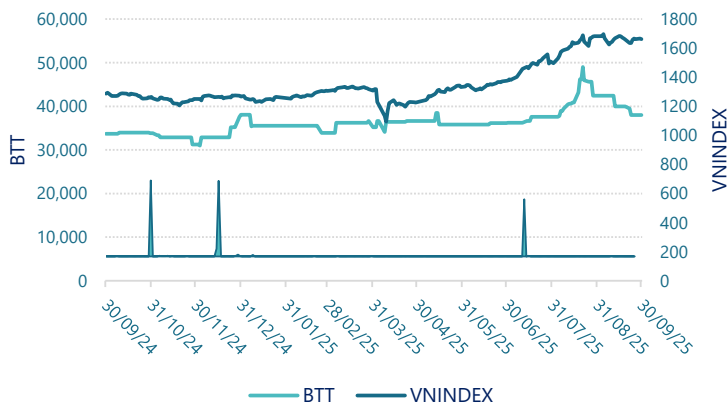




CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (HSX: BTT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,988
SL cổ phiếu LH	13,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185
% sở hữu nước ngoài	4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	513
P/E	9.5
EPS	4,014

DT thuần

Q3/25

63.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.90 | 4.8%

YoY: ▲ 3.10 | 5.1%

LN sau thuế

Q3/25

15.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90 | 6.4%

YoY: ▲ 3.10 | 25.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

30.1%

+/- YoY: ▲ 4.8%

DT thuần

9T 2025

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00 | 3.3%

LN sau thuế

9T 2025

43.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.30 | 19.9%

ROE

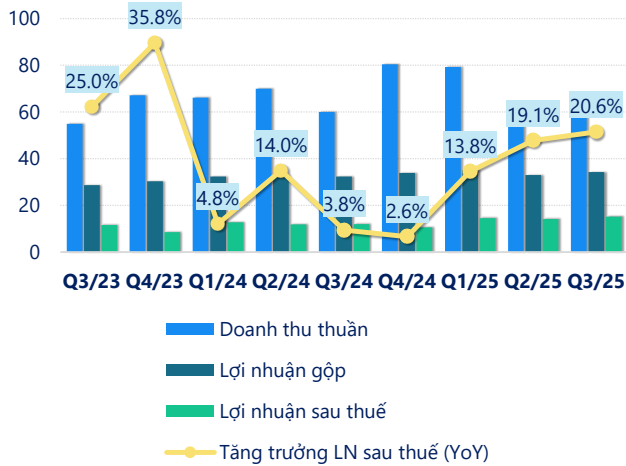
Q3/25

14.0%

+/- YoY: ▲ 2.2%

tỷ VNĐ

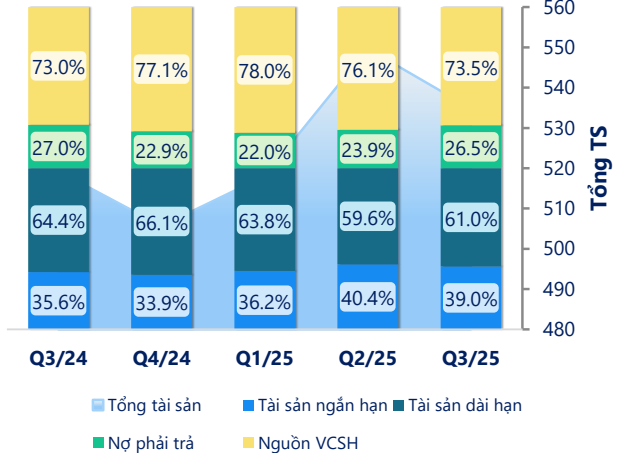
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

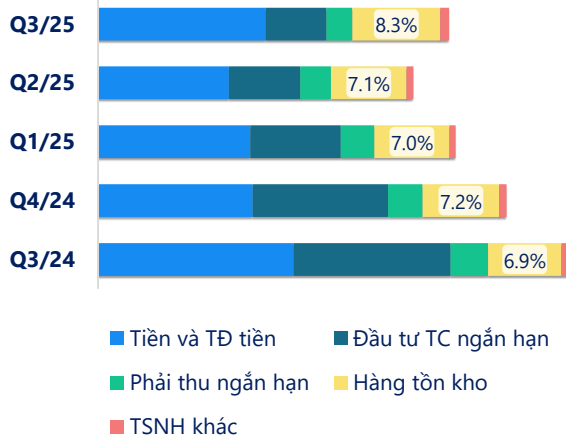
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



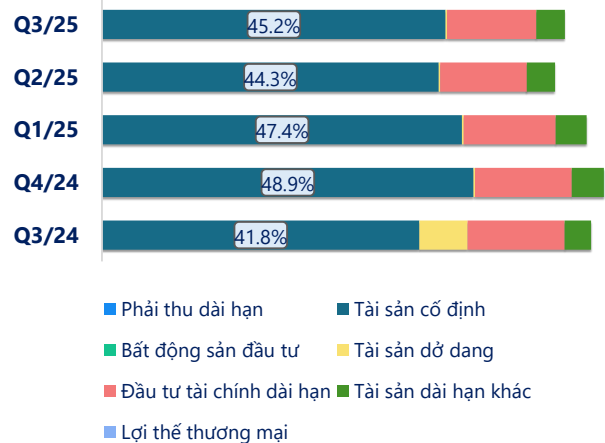
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

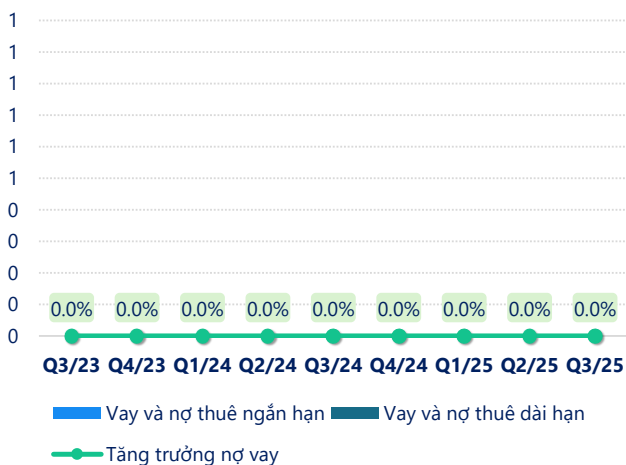
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

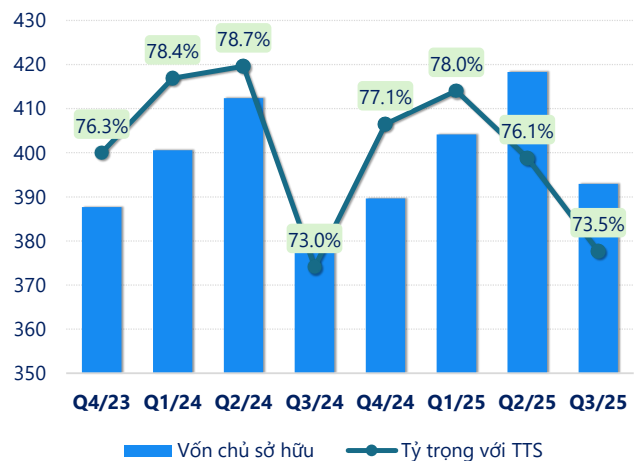
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

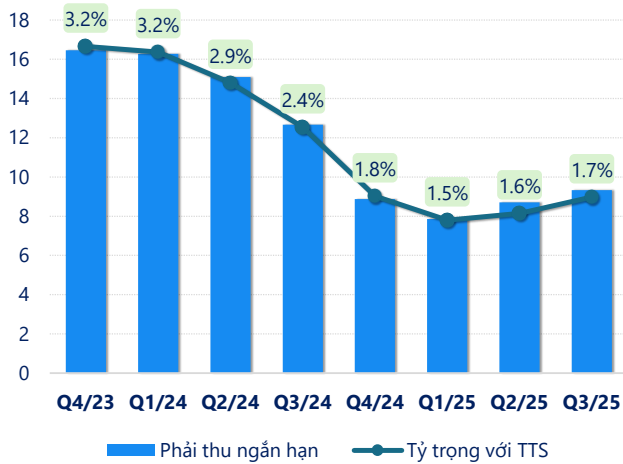
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



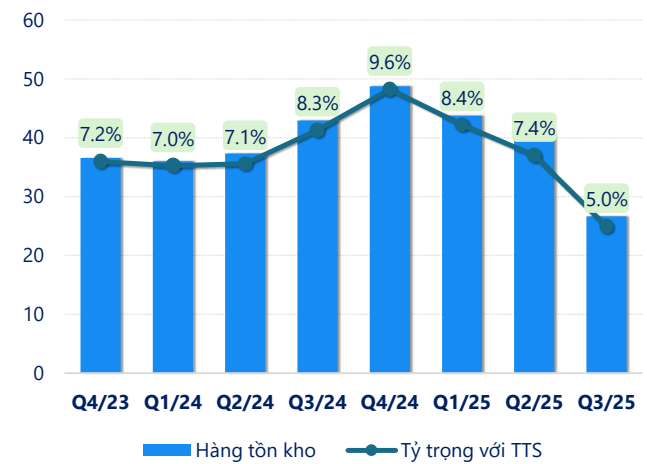
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


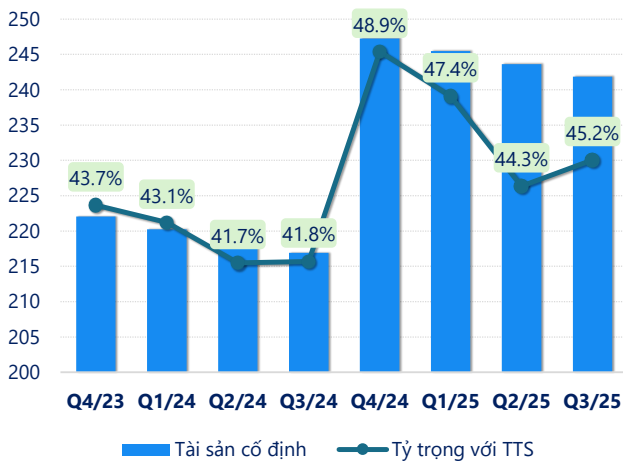
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


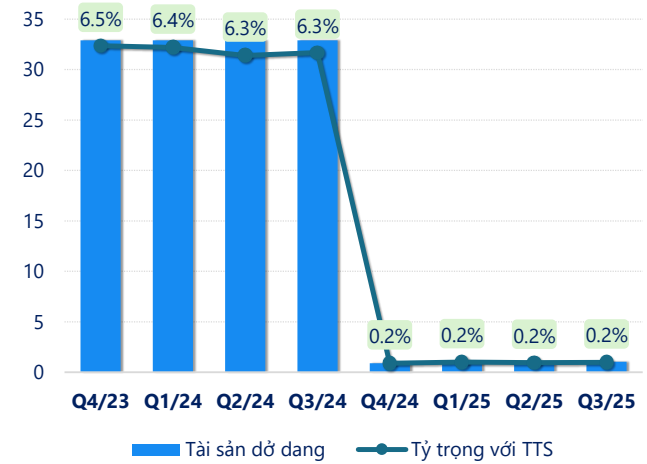
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

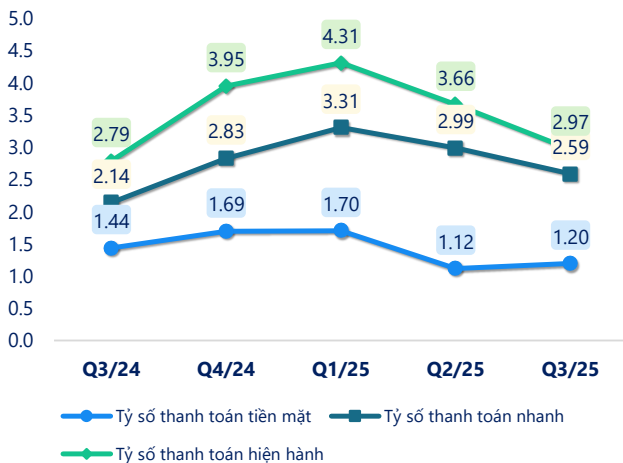
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

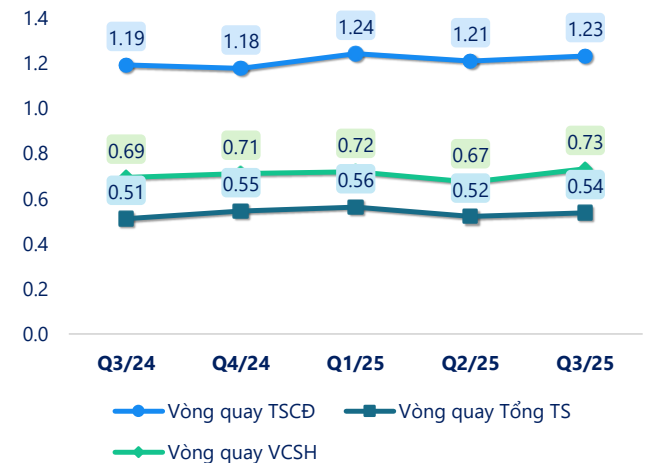
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	519	506	518	550	535
Tài sản ngắn hạn	185	172	188	222	209
Tiền và tương đương tiền	95.3	73.5	74.1	67.7	84.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.8	37.1	59.2	103	85.4
Phải thu ngắn hạn	12.7	8.87	7.85	8.71	9.33
Hàng tồn kho	42.9	48.8	43.7	40.7	26.7
Tài sản ngắn hạn khác	4.29	3.28	2.71	2.27	3.32
Tài sản dài hạn	334	334	330	328	326
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.12	0.12	0.12
Tài sản cố định	217	247	245	244	242
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.9	0.90	1.05	1.05	1.05
Đầu tư tài chính dài hạn	66.3	64.4	62.8	62.7	62.7
Tài sản dài hạn khác	18.1	21.5	21.1	20.4	20.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	140	116	114	131	142
Nợ ngắn hạn	66.3	43.4	43.5	60.6	70.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.5	17.7	17.1	21.5	22.7
Nợ dài hạn	73.8	72.6	70.4	70.8	71.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	379	390	404	418	393
Vốn chủ sở hữu	379	390	404	418	393
Vốn điều lệ	135	135	135	135	135
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)